

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 176/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 29/9/2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Đình Tài

2. Ông Lê Đình Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng L – Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, Thị trấn Ph, huyện C, tỉnh Thanh Hóa – có mặt

Bị đơn: Anh Cao Thanh T – sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, Thị trấn Ph, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 - Địa chỉ: Bản C, xã X, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa – vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn; bản tự khai; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng L trình bày:

Chị và anh Cao Thanh T lấy nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn P, huyện C. Hai bên lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Sau khi lấy nhau vợ chồng sống cùng bố mẹ chồng, cuộc sống hạnh phúc được mấy năm đầu, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ham chơi, không quan tâm đến gia đình, vợ con, lâm vào con đường nghiện ma túy, hiện nay anh T đang đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở

cai nghiện ma túy số 2 - Địa chỉ: Bản C, xã X, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị thấy cuộc hôn nhân giữa chị và anh T không có hạnh phúc. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Cao Thị Thiên Th – Sinh ngày: 19/01/2010. Chị đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Cao Thanh T: Tại bản tự khai ngày 21/8/2020, anh Cao Thanh T xác nhận về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Phạm Thị L là đúng thực tế. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Cao Thị Thiên Th – Sinh ngày: 19/01/2010. Nay anh nhất trí giao cháu Thiên Th cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 56; điều 81 điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị L được ly hôn anh T và giao con cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Buộc chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng L làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Cao Thanh T có hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố Q, Thị trấn Ph, huyện C, tỉnh Thanh Hóa . Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về tố tụng: Anh T hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 - Địa chỉ: Bản C, xã X, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, Tòa án đã

tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ và giao nhận các tài liệu, chứng cứ cho anh T đầy đủ theo quy định của pháp luật. Ngày 21/8/2020, anh T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; Đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa và các buổi làm việc của Tòa án; Đề nghị không tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đơn có xác nhận của cơ sở cai nghiện. Xét đơn đề nghị của anh T có cơ sở chấp nhận, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về Hôn nhân: chị L và anh T lấy nhau, có đăng ký kết hôn ngày 03/02/2010, tại UBND Thị trấn Ph, huyện C, Thanh Hóa, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện nay anh T đang phải đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện từ tháng 5/2019 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu giải quyết ly hôn của chị L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51; điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Cao Thị Thiên Th – Sinh ngày: 19/01/2010. Chị L có nguyện vọng được nuôi con. Anh T đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Cháu Thiên Th cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Nên giao con cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 81 - ,Luật hôn nhân gia đình.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 1 điều 228 và điều 273 Bộ luật TTDS; Căn cứ vào các điều 51, điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 – Luật hôn nhân gia đình; Điểm a khoản 1 điều 24; Điểm a, khoản 5 điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng L. Xử cho chị L được ly hôn anh Cao Thanh T. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Cao Thị Thiên Th cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí DSST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003359, ngày 06/8/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị L không phải nộp nữa.

Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Hồng L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Cao Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi Cục THADS huyện C;
- UBND thị trấn Ph;
- Các cơ quan hữu quan
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Dung